

Số: 668 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Tư pháp về lĩnh vực lý lịch tư pháp, quốc tịch, bồi thường nhà nước, đăng ký biện pháp bảo đảm, trợ giúp pháp lý, chứng thực và hòa giải ở cơ sở

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 33/TTr-STP ngày 18/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Tư pháp về lĩnh vực lý lịch tư pháp, quốc tịch, bồi thường nhà nước, đăng ký biện pháp bảo đảm, trợ giúp pháp lý, chứng thực và hòa giải ở cơ sở (*Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Giao Giám đốc Sở Tư pháp xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo danh mục trên trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính về lĩnh vực lý lịch tư pháp, quốc tịch, bồi thường nhà nước, chứng thực và hòa giải ở cơ sở tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *d*

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Xoa(150b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



[Handwritten signature]

Tráng Thị Xuân




DANH MỤC


Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Tư pháp và lĩnh vực lý lịch tư pháp, quốc tịch, bồi thường nhà nước, đăng ký biện pháp bảo đảm, trợ giúp pháp lý, chứng thực và hòa giải ở cơ sở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 668 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 35 thủ tục hành chính


| TT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|---|--|--|
| I | LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP: 03 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam | 10 ngày đối với trường hợp cư trú 1 nơi 15 ngày đối với trường hợp cư trú nhiều nơi | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | - Phí cung cấp thông tin 200.000 đồng. - Sinh viên, người có công với CM, thân nhân liệt sĩ: 100.000 đồng. - Trường hợp xin cấp Phiếu LLTP từ phiếu thứ 3 trở lên thu thêm 5.000 đồng/phiếu. - Miễn đối với một số trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật. | - Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. - Luật căn cước công dân năm 2014. - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|--|--------------------|--|
| | | | | | | <p>tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp.</p> <p>Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> |
| 2 | <p>Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)</p> | <p>10 ngày đối với trường hợp cư trú 1 nơi</p> <p>15 ngày đối với trường hợp cư trú nhiều nơi</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La</p> | <p>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp.</p> <p>Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ</p> |

| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|--|---------------------------|--|
| | | | | | | <p>Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</p> <p>Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> |
| 3 | <p>Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiền hành tố tụng (<i>đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam</i>)</p> | <p>- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cư trú 1 nơi.</p> <p>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cư trú nhiều nơi, hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài,</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La</p> | <p>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm</p> |




| Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý | |
|---|--|--------------------|---|---|--|--|
| | người nước ngoài, xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích. - Trường hợp khẩn cấp 02 ngày làm việc. | | | | sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/5/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. | |
| II LĨNH VỰC QUỐC TỊCH: 05 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | 4,5 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | 100.000đồng Miễn lệ phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tại các | - Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|----------------------------|---|--|---|---|
| | | | | | nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã. | mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí Quốc tịch. |
| 2` | Nhập quốc tịch Việt Nam | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | 3.000.000đồng/hồ sơ Miễn lệ phí đối với: - Người có công lao đặc biệt. - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. | - Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí Quốc tịch. - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|--|
| | | | | | dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam. |
| 3 Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 80 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | 2.500.000 đồng/hồ sơ Miễn lệ phí đối với trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt. - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. | - Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí Quốc tịch. - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của C CẤP hính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam. |
| 4 Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 5 ngày đối với trường hợp có đủ cơ sở xác | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | 100.000 đồng/hồ sơ Miễn lệ phí đối với trường hợp sau: - Người di cư từ Lào | - Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi |





| TT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|---|---|---|--|
| | | nhận; 14 ngày đối với trường hợp không đủ cơ sở xác nhận | hành chính công tình | | được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; - Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND xã. | tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí Quốc tịch. |
| 5 | Nhập quốc tịch Việt Nam cho người Lào được phép cư trú tại các huyện của Việt Nam tiếp giáp với Lào | 53 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tình | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | - Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư số 03/2015/TT-BTC ngày 10/1/2015 của Bộ Tư pháp quy định điều kiện, trình tự, thủ tục nhập Quốc |


|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|---------------------|--|---|--------------------|---|
| | | | | | | <p>tịch Việt Nam và đăng ký khai sinh, kết hôn cho người di cư tự do tại các huyện của Việt Nam tiếp giáp với Lào.</p> <p>- Thông tư số 93/2014/TT-BTC ngày 14/7/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn miễn lệ phí quốc tịch, lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú cho người được phép cư trú theo quy định của Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXH Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về việc giải quyết vấn đề di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước.</p> |
| III LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC: 05 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường | 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <p>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN.</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày</p> |


| TT |  <p>Tên Thủ tục hành chính</p> | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|---|---|--------------------|---|
| | | | | | | 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| 2 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại. | <ul style="list-style-type: none"> - 38 ngày làm việc. - Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp có thể kéo dài không quá 43 ngày. | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| 3 | Phục hồi danh dự | 14 ngày làm việc | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành |


|  | Phân Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---|--|--|---------------------------|--|
| | | | thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh | | | Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| 4 | Xác định cơ quan giải quyết bồi thường | <ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc. - Trường hợp không thống nhất về cơ quan có trách nhiệm bồi thường thì thời gian không quá 14 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|---|---|--------------------|---|
| 5 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | - 58 ngày. - Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp 72 ngày | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| IV | LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM: 09 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền | - Giải quyết trong ngày. - Sau 15 giờ, thì hoàn thành việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại | - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường | 65.000đồng/hồ sơ | - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|--|--|---------------------------|---|
| <i>sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)</i> | <p>đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc</p> | <p>Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <p>bưu điện có bảo đảm.</p> | | <p>tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> |
| <p>2</p> <p>Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong</p> | <p>- Ngay trong ngày làm việc.</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở</p> | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực</p> | <p>65.000đồng/hồ sơ</p> | <p>- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014.</p> |


|  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|--|--|---------------------------|--|
| <p>trong lại</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc. | <p>Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <p>tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | | <ul style="list-style-type: none"> - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |


| TT |  <p>Ủy ban Thủ tục hành chính</p> | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|--|-------------------------|--|
| 3 | <p>Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | <p>65.000đồng/hồ sơ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các |

| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|---|-------------------------|--|
| | | | | | | khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 4 | <p>Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu</p> | <p>- Ngay trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> | <p>65.000đồng/hồ sơ</p> | <p>- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND</p> |


| TT |  <p>Tên Thủ tục hành chính</p> | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|--|--------------------|--|
| | | | | | | ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 5 | <p>Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên |

| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|----------------------------|---|--|---------------------------|---|
| | | không quá 03 ngày làm việc | | | | và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 6 | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký | 01 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh | - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|--|--------------------|---|
| | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 7 | <p>Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Nếu sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi |


| |  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|--|---|---|--|--------------------|---|
| | | kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | | | | tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 8 | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở | - Trong ngày làm việc. - Nếu nhận sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh | - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000 đồng/hồ sơ | - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ |


| STT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|--|---|-------------------------|--|
| | | <p>hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc</p> | | | | <p>sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> |
| 9 | <p>Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p> | <p>-Trong ngày làm việc. - Nếu nhận sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p> | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> | <p>65.000đồng/hồ sơ</p> | <p>- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày</p> |

| |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|--|---|--|---------------------------|---|
| | | - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | | | | 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| V | LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ: 13 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 | Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư | 14 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |

| | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|--|--|---|--------------------|---|
| 2 | Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật | 14 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, có thể kéo nhưng không quá 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |
| 3 | Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |
| 4 | Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý | 03 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|----------------------------|---|---|--------------------|---|
| 5 | Yêu cầu trợ giúp pháp lý | Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. |
| 6 | Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | 07 ngày làm việc | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |


|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|----------------------------|--|--|---------------------------|---|
| 7 | Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | 07 ngày làm việc | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |
| 8 | Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 07 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |
| 9 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. |
| 10 | Thay đổi người thực | 03 ngày làm | Trung tâm Trợ giúp pháp | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. |


| |  <p>Phân Thủ tục hành chính</p> | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|---|--|---------------------------|---|
| | Hiện Trợ giúp pháp lý. | việc | lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La | điện, bưu chính công ích | | - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. |
| 11 | Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý) | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. |
| 12 | Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (Đối với Giám đốc Sở Tư pháp) | 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại | Sở Tư pháp - Số 59 đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. |
| 13 | Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người yêu cầu trợ giúp pháp lý | Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Trợ giúp pháp lý - Ngõ 7a, tổ 8, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La | Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích | Không | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. |


B. CẤP HUYỆN: 25 thủ tục hành chính


| TT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---------------------|---|---|---|--|
| I | LĨNH VỰC CHỨNG THỰC: 12 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 | Cấp bản sao từ sổ gốc | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính | Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch. |
| 2 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí |


| TT |  <p>Tên Thủ tục hành chính</p> | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---------------------|--|---|---|--|
| | | | | | | <p>thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p> |
| 3 | <p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận</p> | Trong ngày | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố</p> | <p>Nộp trực tiếp</p> | <p>2.000 đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính</p> | <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định</p> |


|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|----------------------------|---|--|---------------------------|---|
| | | | | | | mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. |
| 4 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 10.000đồng/trường hợp | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|---|--|--|--|
| 5 Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 30.000đồng/hợp đồng, giao dịch | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 6 Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 25.000đồng/hợp đồng, giao dịch | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 7 Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | Trong ngày Sau 15 giờ kéo dài sang ngày hôm sau | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 2.000đồng/trang. Từ 03 trang trở lên thu 1.000đồng (nhưng không quá 200.000/bản) | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 8 Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp | Trong ngày Sau 15 giờ kéo dài sang ngày hôm sau | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 10.000đồng/hồ sơ | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |


| |  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|---|---|--------------------------------|--|
| 9 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp | Trong ngày Sau 15 giờ kéo dài sang ngày hôm sau | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 10.000đồng/hồ sơ | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 10 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 50.000đồng/hợp đồng, giao dịch | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 11 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 50.000đồng/văn bản | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 12 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | 50.000đồng/văn bản | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý | |
|---|---|--|--|---|-----------------------|---|
| II LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC: 03 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại. | <ul style="list-style-type: none"> - 38 ngày làm việc. - Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp có thể kéo dài không quá 42 ngày làm việc. | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| 2 | Phục hồi danh dự | 14 ngày làm việc | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành |


| TT |  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|---|--------------------|---|
| | | | thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện | | | Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| 3 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | - 38 ngày làm việc. - Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp có thể kéo dài không quá 42 ngày | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý | |
|---|---|---|--|--|------------------|---|
| | | đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện | | | | |
| III LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM: 09 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | <p>Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|--|---------------------------|--|
| | | 03 ngày làm việc | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 2 | <p>Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày |


| |  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|--|--|-------------------------|---|
| | | <p>hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc</p> | | | | <p>06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 3 | <p>Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận</p> | <p>- Trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | <p>65.000đồng/hồ sơ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---|--|--------------------|---|
| | việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 4 Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày |

|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---|---|--|---------------------------|---|
| | | ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | | | | 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 5 | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký | -Trong ngày làm việc. - Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; | 65.000đồng/hồ sơ | - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày |


| |  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|--|--------------------|---|--------------------|--|
| | | <p>thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc</p> | | <p>- Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> | | <p>15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> |


| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|--|----------------------------|---|--|---------------------------|--|
| 6 | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký | 01 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND |


| TÊN |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|--------------------|--|
| | | | | | | ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 7 | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Nếu sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền |

|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|--|---|--|---------------------------|--|
| | | | | | với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 8 Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc. - Nếu nhận sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. | 65.000đồng/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT- |



| |  Tên Chủ tịch hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---------------------------|--|
| | | không quá 03 ngày làm việc | | | | <p>BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> |
| 9 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | <p>- Trong ngày làm việc.</p> <p>- Nếu nhận sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải</p> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> | 65.000đồng/hồ sơ | <p>- Luật Đất đai năm 2013.</p> <p>- Luật Nhà ở năm 2014.</p> <p>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> |


| STT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---|---|---|--------------------|--|
| |  | kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc. | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| IV LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ: 01 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, UBND cấp xã nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên xem xét, có văn bản đề nghị UBND cấp huyện; | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố | Nộp trực tiếp | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở. |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|---------------------------|--|---------------------------|-----------------------|
| | <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND huyện xem xét, ra quyết định hỗ trợ</p> <p>- Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện việc chi tiền hỗ trợ</p> | | | | |


d


**CẤP XÃ: 17 thủ tục hành chính**


| TT | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---------------------|---|---|---|---|
| I LĨNH VỰC CHỨNG THỰC: 12 thủ tục hành chính | | | | | | |
| 1 | Cấp bản sao từ sổ gốc | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 2 | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa | - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng |


|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---------------------|---|---|--|---|
| | Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | | thị trấn | | thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính | <p>thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Thông tư số 264/2016/TT-3TC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. |
| 3 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí |


|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|---|----------------------------|---|--|---|---|
| cấp hoặc chứng nhận | | | | bản chính | chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. |
| 4 Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được tính theo trang của bản chính | - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí |


|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---------------------|---|---|---|---|
| | | | | | | cấp thẻ công chứng viên. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. |
| 5 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã | Nộp trực tiếp | 30.000 đồng/hồ sơ | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 6 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã | Nộp trực tiếp | 25.000 đồng/hồ sơ | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 7 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | Trong ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã | Nộp trực tiếp | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ pháp lý để thu phí được | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |

| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---------------------|---|---|--------------------------------|---|
| | | | | | tính theo trang của bản chính | |
| 8 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 50.000đồng/hợp đồng, giao dịch | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 9 | Chứng thực di chúc | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 30.000đồng/di chúc | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 20/2015/ND-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |

|  | Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|--|----------------------------|---|--|---------------------------|---|
| 10 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 30.000đồng/hồ sơ | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 11 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | Không quá 02 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | 30.000đồng/văn bản | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành |

| TT |  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--------------------------|--|---|---------------------------|--|
| | | | | | | <p>một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |
| 12 | <p>Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</p> | <p>Không quá 02 ngày</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn</p> | <p>Nộp trực tiếp</p> | <p>30.000đồng/văn bản</p> | <p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |

|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---|--|--|---------------------------|---|
| II LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC: 01 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại. | - 38 ngày làm việc. - Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp có thể kéo dài không quá 42 ngày. | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở xã. | Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường | Không | - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về ban hành một số Biểu mẫu trong công tác bồi thường. |
| III LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ: 04 thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 Công nhận hòa giải viên | Trong thời hạn 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | Không | - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và UBTUMTTQ Việt |

|  Tên Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện, mức độ dịch vụ công trực tuyến | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|--|---------------------------------|---|--|---------------------------|---|
| | | | | | Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. |
| 2 Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | Trong thời hạn 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | Không | - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và UBTUMTTQ Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. |
| 3 Thôi làm hòa giải viên | Trong thời hạn 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | Không | - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và UBTUMTTQ Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. |
| 4 Thanh toán thù lao cho hòa giải viên | Trong thời hạn 05 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường, thị trấn | Nộp trực tiếp | Không | - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013. - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở. |